

ĐIỀU LỆ

CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI Á

(Đã được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông bất thường 2013 tổ chức chính thức ngày 25/9/2013 sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 19 và được đăng ký hiệu lực toàn văn Điều lệ tại Ngân hàng Nhà nước, cơ quan thẩm quyền theo quy định)

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2011;
- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Thông tư số 28/2011/TT-NHNN ngày 01/9/2011 của Ngân hàng Nhà nước “Quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua trái phiếu doanh nghiệp”;
- Thông tư số 04/2012/TT-NHNN ngày 08/3/2012 của Ngân hàng Nhà nước “Quy định về nghiệp vụ nhận ủy thác và ủy thác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”;
- Điều lệ Đại Á Ngân hàng đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 724/QĐ-NHNN ngày 23/5/2005, số 207/QĐ-NHNN ngày 05/02/2009, số 2997/QĐ-NHNN ngày 16/12/2010, số 1316/QĐ-NHNN ngày 03/7/2012, Công văn số 9984/NHNN-TTGSNH ngày 23/12/2010 và được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 thông qua ngày 19/4/2012 bổ sung Điều 5.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Á (sau đây viết tắt là Đại Á Ngân hàng) là ngân hàng thương mại cổ phần, được phép hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0036 NH-GP ngày 23/6/1993, Quyết định số 2402/QĐ-NHNN ngày 11/10/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đăng ký thay đổi lần thứ 20) số 3600251642 ngày 28/6/2013. Tổ chức và hoạt động của Đại Á Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.



ĐIỀU LỆ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI Á

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. "*Luật Doanh nghiệp*" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.
2. "*Luật các Tổ chức tín dụng*" có nghĩa là Luật các Tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/6/2010
3. "*Pháp luật*" có nghĩa là tất cả Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến hoạt động của Ngân hàng, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định này.
4. "*Đại Á Ngân hàng*" được sử dụng trong Điều lệ này là tên viết tắt của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Á.
5. "*Địa bàn kinh doanh*" là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp cho Đại Á Ngân hàng mà tại đó Đại Á Ngân hàng được thiết lập các điểm hoạt động theo quy định của pháp luật.
6. "*Vốn điều lệ*" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ này.
7. "*Ngày thành lập*" là ngày mà Đại Á Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động.
8. "*Vốn pháp định*" là vốn tối thiểu theo yêu cầu của pháp luật để thành lập Ngân hàng.
9. "*Ban Điều hành*" bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng Phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Đại Á Ngân hàng.
10. "*Người có liên quan*" là tổ chức, cá nhân có quan hệ với Đại Á Ngân hàng nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Đại Á Ngân hàng đối với các công ty con của Đại Á Ngân hàng và ngược lại; các công ty con của Đại Á Ngân hàng với nhau.
 - b. Đại Á Ngân hàng đối với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Đại Á Ngân hàng hoặc người, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại.
 - c. Đại Á Ngân hàng đối với cá nhân sở hữu từ 05% vốn điều lệ trở lên tại Đại Á Ngân hàng và ngược lại.
 - d. Đại Á Ngân hàng đối với người có quan hệ thân thuộc (gồm: vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi; anh, chị, em ruột) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ trở lên của Đại Á Ngân hàng và ngược lại.
 - đ. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm trên.

11. "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian Đại Á Ngân hàng được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Đại Á Ngân hàng thông qua bằng nghị quyết và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nếu pháp luật có yêu cầu.
12. "*Cổ phần*" là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.
13. "*Cổ đông*" là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Đại Á Ngân hàng và đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Đại Á Ngân hàng với tư cách là một người nắm giữ (các) cổ phần.
14. "*Cổ đông lớn*" là cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc nắm giữ từ 05% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.
15. "*Cổ phiếu*" là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Đại Á Ngân hàng phát hành, xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Đại Á Ngân hàng. Cổ phiếu của Đại Á Ngân hàng có thể là cổ phiếu ghi tên hay cổ phiếu không ghi tên theo quy định của Điều lệ này.
16. "*Sổ đăng ký cổ đông*" là một tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
17. "*Đại hội đồng cổ đông*" hoặc "*Đại hội*" là Đại hội đồng cổ đông của Đại Á Ngân hàng.
18. "*Cổ tức*" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Đại Á Ngân hàng, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
19. "*Công ty liên kết*" là doanh nghiệp do Đại Á Ngân hàng nắm giữ cổ phần, vốn góp dưới mức cổ phần chi phối, vốn góp chi phối, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài hoặc công ty ở nước ngoài.
20. "*Đơn vị trực thuộc*" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Đại Á Ngân hàng, bao gồm Sở Giao dịch, Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
21. "*Đơn vị thành viên*" là các đơn vị trực thuộc và công ty có liên quan của Đại Á Ngân hàng.
22. "*Lợi nhuận*" là tổng lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác. Trong đó, lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm: chênh lệch giữa tổng doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ với tổng chi phí dịch vụ trong kỳ và chênh lệch giữa tổng doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính với tổng chi phí hoạt động đầu tư tài chính phát sinh trong kỳ; lợi nhuận khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác và chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.
23. "*Hoạt động ngân hàng*" là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng số tiền này để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán.
24. "*Hoạt động đầu tư*" là hoạt động thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh và dịch vụ về đầu tư tài chính.
25. "*Người đại diện theo pháp luật*" của Đại Á Ngân hàng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo pháp luật của Đại Á Ngân hàng có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo cơ chế ủy quyền nội bộ do Hội đồng Quản trị Đại Á Ngân hàng quy định để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

